BỘ Y TẾ
BỆNH VIỆN NHI TRUNG ƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH: PHÓ GIÁO SƯ NĂM 2020

Mã hồ sơ:

Đối tượng đăng ký: Giảng viên: ☐
Giảng viên thỉnh giảng: ☑
Ngành: Y Chuyên ngành: Nhi

A. THÔNG TIN CÁ NHÂN

1. Họ tên người đăng ký: Nguyễn Tuyết Xương

2. Ngày tháng năm sinh: 02/02/1969; Nam ☑ Nữ ☐; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không

3. Đảng viên Đảng Cộng Sản Việt Nam: ☑

4. Quê quán: Xã Hữu Bằng, Huyện Thạch Thất, Thành phố Hà Nội

5. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

- Căn hộ 2309 Discovery Complex, số 302 phố Cầu Giấy, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội

6. Địa chỉ liên hệ:

- Căn hộ 2309 Discovery Complex, số 302 phố Cầu Giấy, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội.
- Điện thoại: 0985 285 385 Email: nguyenxuongnhp@yahoo.com

7. Quá trình công tác

- Từ 1989 đến 1995: Sinh viên, Phó Bí thư chi đoàn, Đại học Y Hà Nội;
- Từ Từ 1995 đến 1996: Học chuyên khoa Tai Mũi Họng, Học viên, Bệnh viện TMH Trung ương;
- Từ Từ 1996 đến 2002: Bác sỹ Tai mũi họng, Bác sỹ điều trị, Bệnh viện Đa khoa Sơn Tây, Hà Nội;
- Từ 2002 đến 2004: Học Cao học khóa 11, Học viên, Đại học Y Hà Nội;
- Từ 2004 đến 2005: Bác sỹ Tai Mũi Họng, Bác sỹ điều trị, Bệnh viện đa khoa Sơn Tây, Hà Nội;
- Từ 2005 đến 2010: Bác sỹ Tai Mũi Họng, Bác sỹ điều trị - Phó trưởng khoa, Bệnh viện Nhi Trung ương;
- Từ 2010 đến 2015: Học nghiên cứu sinh, Học viên, Viện Vệ sinh dịch tễ trung ương, hệ không tập trung;
- Từ 2015 đến nay: Bác sỹ Tai Mũi Họng, Trưởng khoa Tai Mũi Họng, Mắt, Răng Hàm mặt (2012), Bệnh viện Nhi Trung ương.

- Chức vụ hiện nay: Trưởng khoa
- Chức vụ cao nhất đã qua: Trưởng khoa
- Cơ quan công tác hiện nay: Bệnh viện Nhi Trung ương
- Địa chỉ cơ quan: Số 18/879 phố La Thành, quận Đống Đa, Hà Nội
- Điện thoại cơ quan: 024. 6273 8669
- Thỉnh giảng tại cơ sở đại học: Đại học Y Vinh, tỉnh Nghệ An, Đại học Y Dược Hải Phòng, Đại học Y Dược Thái Bình, Khoa Y Đại học Quốc gia Hà Nội, Đại học Y Hà Nội. Đại học y tế công cộng Hà Nội.

8. Nghỉ hưu hay đang công tác: Đang công tác

- Tên cơ sở giáo dục đại học trong 3 năm cuối: Đại học Y Dược Hải Phòng, Đại học Y Vinh, Khoa Y Dược Đại học Quốc gia Hà Nội, Đại học Y Dược Thái Bình, Đại học Y Hà Nội. Đại học Y tế công cộng.

9. Trình độ đào tạo

- Được cấp bằng ĐH ngày 14/9/1995, ngành Y, chuyên ngành Đa khoa
  Nơi cấp bằng ĐH: Trường Đại học Y Hà Nội, Việt Nam.
- Được cấp bằng ThS ngày 24/2/2005, ngành Y, chuyên ngành Tai Mũi Họng.
  Nơi cấp bằng ThS: Trường Đại học Y Hà Nội, Việt Nam.
- Được cấp bằng TS ngày 4 tháng 6 năm 2015, ngành Y, chuyên ngành Dịch tễ học.

Nơi cấp bằng TS: Viện Vệ sinh dịch tễ trung ương, Việt Nam.

10. Đã được bổ nhiệm chức danh PGS: Chưa

11. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh: PGS tại HĐGS cơ sở Trường Đại học Y Dược Hải Phòng

12. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh: PGS tại HĐGS ngành Y

13. Các Hướng nghiên cứu chủ yếu

- Nghiên cứu về chuyên khoa Nhi, chuyên khoa Tai Mũi Họng
- Nghiên cứu về Thính học và trị liệu ngôn ngữ Nhi khoa
- Nghiên cứu về Ốc tai điện tử ở trẻ em
- Nghiên cứu về Dịch tễ học một số bệnh lý trẻ em

14. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học

- Đã hướng dẫn: 6 Thạc sỹ

- Đang hướng dẫn: 01 Bác sỹ nội trú và 01 Nghiên cứu sinh

(1) Nguyễn Thị Cẩm Tú: Lớp Thạc sỹ Y tế công cộng khóa 20, Đại học Y tế công cộng. Đề tài: "Thực trạng đảm bảo an toàn thực phẩm của các cửa hàng ăn trên địa bàn 4 xã, huyện Lấp Vò tỉnh Đồng Tháp từ tháng 2 đến tháng 10 năm 2018". QĐ số 335/QĐ ĐHYTCC ngày 27/2/2018.

(2) Lâm Hùng Phong: Lớp Thạc sỹ Y tế công cộng khóa 20, trường Đại học Y tế công cộng. Đề tài "Thực hành xử trí bệnh Tay Chân Miệng cho trẻ dưới 5 tuổi và các yếu tố liên quan của bà mẹ tại huyện Tam Nông tỉnh Đồng Tháp năm 2017". QĐ số 335/QĐ ĐHYTCC ngày 27/2/2018.

(3) Nguyễn Toàn Thắng: Lớp Thạc sỹ Y tế công cộng khóa 20 trường Đại học Y tế công cộng. Đề tài "Tình trạng sâu răng và một số yếu tố liên quan ở học sinh lớp 5 tại thị trấn Cái Bè, tỉnh Tiền Giang năm 2018". QĐ số 335/QĐ ĐHYTCC ngày 27/02/2018.

(4) Đoàn Văn Hiệp: Lớp Thạc sỹ Y tế công cộng khóa 20 trường Đại học Y tế công cộng. Đề tài "Đặc điểm dịch tễ học và thực hành xử trí trước và sau khi mắc bệnh Tay Chân Miệng của người chăm sóc chính tại thị xã Gò Công tỉnh Tiền Giang". QĐ số 335/QĐ – ĐHYTCC ngày 27/2/2018.

(5) Lê Văn Phương: Lớp Thạc sỹ Y tế công cộng khóa 20 trường Đại học Y tế công cộng. Đề tài "Thực trạng sự hài lòng của bệnh nhân ngoại trú tại khoa khám bệnh, Bệnh viện đa khoa huyện Cái Bè tỉnh Tiền Giang và một số yếu tố ảnh hưởng năm 2018" QĐ số 335/QĐ ĐHYTCC ngày 27/02/2018.

(6) Trần Mỹ Hương: Khóa học Thạc sỹ Y tế công cộng chương trình quốc tế, Đại học Y Hà Nội. Thesis's Title "Situation of hearing loss and some assosiated factor among children aged 2-5 in kindergarters, Hai Duong Province" Ha Noi Medical University. Bảo vệ ngày 28/8/2019.

(7) Bác sỹ nội trú: Nguyễn Đức Anh, tên đề tài: "Nghiên cứu đặc điểm lâm sàng và một số gen liên quan đến nghe kém bẩm sinh tại các trường mẫu giáo ở Thái Bình". QĐ số 6811/ QĐ – ĐHYHN ngày 16/12/2019.

(8) Nghiên cứu sinh: Trần Mỹ Hương, tên đề tài: "Cải thiện sức nghe và chất lượng cuộc sống của trẻ em nghe kém sau cấy Ốc tai điện tử". Chuyên ngành Y tế công cộng, Đại học Y Hà Nội. Mã số 9720701. QĐ số 7071/ QĐ – ĐHYHN ngày 27/12/2019.

- Đã hoàn thành 02 đề tài NCKH cấp cơ sở

(1) "Đánh giá hiệu quả phẫu thật nạo VA bằng dao Plasma tại Bệnh viện Nhi trung ương". Mã số đề tài: 2019S-12. QĐ số 2541/QĐ – BVNTW, ngày 26/6/2019.

(2) "Đánh giá kết quả cắt Amidal bằng máy Coblator tại Bệnh viện Nhi Trung ương". Mã số đề tài: 2019S – 13. QĐ số 2542/QĐ – BVNTW, ngày 26/6/ 2019.

- Đã công bố: 67 Bài báo khoa học, trong đó có 14 báo cáo khoa học trên tạp chí quốc tế có uy tín

- Số lượng sách đã xuất bản: 03, trong đó có 03 Nhà xuất bản có uy tín (Nhà xuất bản Y học)

(1) Ốc tai điện tử ở trẻ em, sách chuyên khảo. NXB Y học năm 2015, Tái bản lần thứ nhất năm 2019. Chủ biên.

(2) Thính học Nhi khoa, sách chuyên khảo. NXB Y học năm 2019. Chủ biên.

(3) Bệnh lý Tai Mũi Họng thường gặp, NXB Y học năm 2017. Tham gia biên soạn.

- Danh sách 5 công trình khoa học tiêu biểu nhất

(1) **Xuong Tuyet Nguyen,** Nguyen Dang Vung, Tran My Huong, Pham The Hien, Le Minh Ky "Some associated factors in hearing loss among children aged 2 – 5

in kindergartens in Hai Duong province, Viet Nam". Sys Rev Pharm 2019; 10(2): 22-26. *Amultifaceted review journal in the field of pharmacy*. E – ISSN 0976 – 2779 P-ISSN 0975 – 8453. Vol 10, issue 2, Jan – Jun, 2019.

(2) **Xuong Tuyet Nguyen,** Nguyen Dang Vung, Tran My Huong, Pham The Hien, Le Minh Ky. Situation of hearing loss among children aged 2 to 5 at Kindergartens in Hai Duong province, Viet Nam. Sys Rev Pharm 2019; 10 (1): 179 - 183. *Amultifaceted review journal in the field of pharmacy*. E – ISSN 0976 – 2779 P-ISSN 0975 – 8453.

(3) **Xuong Tuyet Nguyen**, Nguyen Ngoc Ha, Tram van Ta, Vu Kien Tran, Hien The Pham. "Provision capacity of service delivery facilities for children with hearing loss in Hai Phong Viet Nam". *Asian Journal of Pharmaceutical and Clinical research.* Vol 12 Issue 10. 2019 online – 2455 – 3891. Print 0974 – 2441. 10. September 2019.

(4) **Xuong Tuyet Nguyen**, Van Dinh Tran. Prevalence of Hearing loss among preschool children in Ha Noi Viet Nam. *International Journal of Contemporary Pediatrics. 2019. 6(4) eISSN: 2349-2391. DOI: 10.18203/2349-2391.ijcp20192623.*

(5) **Xuong Tuyet Nguyen**, Van Dinh Tran, Risk factors of hearing loss among preschool children in Ha Noi Viet Nam. *International Journal of Community Medicine and Public health. 2019.6(7).eISSN: 2394-6040. DOI: 10.18203/2394-6040.ijcmph20192597.*

- Bài báo quốc tế

(1) **Xuong Tuyet Nguyen**, Van Dinh Tran. "Prevalence of Hearing loss among preschool children in Ha Noi Viet Nam". *International Journal of Contemporary Pediatrics. 2019. 6(4) eISSN: 2349-2391. DOI: 10.18203/2349-2391.ijcp20192623.*

(2) **Xuong Tuyet Nguyen**, Van Dinh Tran. "Risk factors of hearing loss among preschool children in Ha Noi Viet Nam". *International Journal of Community Medicine and Public health. 2019.6(7).eISSN: 2394-6040. DOI : 10.18203/2394-6040.ijcmph20192597.*

(3) Van Dinh Tran, Van Vuong Do, Ngoc Minh Pham, Chung Thanh Nguyen, **Xuong Tuyet Nguyen,** Jonine Jancey, Andy H. Lee. "Validity of the International Physical Activity Questionnaire – Short Form for Application in Asian Countries": A Study in Vietnam. *Evaluation and the Health Professions*. 2018. DOI: 10.1177/0163278718819708.

(4) Nguyen Thuy Duong, Nguyen Thi Xuan, Nguyen Hai Ha, Nguyen Dang Ton, Huynh Thi Thu Hue, Phi Thi Thu Trang, Duong Thi Thu Ha, Nguyen Van Phong, **Xuong Tuyet Nguyen,** Ian Holt, Nong Van Hai. "Mutational analysis of GJB2, GJB6 and 12S rRNA genes in Vietnamese non-syndromic deaf children". *Asian Journal of Biomedical and Pharmaceutical Sciences*. 2015. 5(46) DOI: 10.15272/ajbps.v5i46.714.

(5) **Xuong Tuyet Nguyen,** Nguyen Dang Vung, Tran My Huong, Pham The Hien, Le Minh Ky. "Some associated factors in hearing loss among children aged 2 – 5 in kindergartens in Hai duong province, Viet Nam". Sys Rev Pharm 2019; 10(2): 22-26. *Amultifaceted review journal in the field of pharmacy*. E – ISSN 0976 – 2779 P-ISSN 0975 – 8453. Vol 10, issue 2, Jan – Jun, 2019.

(6) **Xuong Tuyet Nguyen,** Dang Vung Nguyen, Huong Tran My, The Hien Pham, Minh Ky Le. "Situation of hearing loss among children aged 2 to 5 at Kindergartens in Hai Duong province, Viet Nam". Sys Rev Pharm 2019; 10 (1): 179 - 183. *Amultifaceted review journal in the field of pharmacy*. E – ISSN 0976 – 2779 P-ISSN 0975 – 8453. Vol 10, issue 2, Jan – Jun, 2019.

(7) **Xuong Tuyet Nguyen**, Nguyen Ngoc Ha, Tram van Ta, Vu Kien Tran, Hien The Pham. "Effectiveness of initial solutions incorporate into early intervention delivery systems for children with hearing loss: Evidence from Hai Phong". *Asian Journal of Pharmaceutical and Clinical research.* Vol 12 Issue 10 . 2019 online – 2455 – 3891. Print 0974 – 2441. 10.September 2019.

(8) **Xuong Tuyet Nguyen**, Nguyen Ngoc Ha, Tram van Ta, Vu Kien Tran, Hien The Pham. "Provision capacity of service delivery facilities for children with hearing loss in Hai Phong Viet Nam". *Asian Journal of Pharmaceutical and Clinical research.* Vol 12 Issue 10 . 2019 online – 2455 – 3891. Print 0974 – 2441. 10. September 2019.

(9) Tram Van Ta, Hai Thanh Tran, Quyen Nguyen Than Ha, **Xuong Tuyet Nguyen**, Vu Kien Tran, Hien The Pham, & Cameron Simmons. (2019). "The role of cytokines in the prognosis of children with dengue shock syndrome in Vietnam". *International Journal of Research in Pharmaceutical Sciences*, 10(3), 2519-2524. https://doi.org/10.26452/ijrps.v10i3.1502.

(10) Tram Van Ta, Hai Thanh Tran, Quyen Nguyen Than Ha, **Xuong Tuyet Nguyen,** Vu Kien Tran, Hien The Pham, & Cameron Simmons (2019). "The role of different serotypes and dengue virus concentration in the prognosis of dengue shock syndrome in children". *International Journal of Research in Pharmaceutical Sciences*, 10(3), 2552-2557. https://doi.org/10.26452/ijrps. v10i3.1509.

(11) Tram Van Ta, Hai Thanh Tran, Quyen Nguyen Than Ha, **Xuong Tuyet Nguyen**, Vu Kien Tran, Hien The Pham, & Cameron Simmons (2019). "The correlation of clinical and subclinical presentations with dengue serotypes and plasma viral load: the case of children with dengue hemorrhagic fever in Vietnam". *International Journal of Research in Pharmaceutical Sciences*, 10(3), 2578-2585. https://doi.org/10.26452/ijrps.v10i3.1513.

(12) Van Dinh Tran, Nguyen Tu Quyet, Hoang Hai, Phan Dang Than, Luu Phuong Dung, Tran Ngoc Phuong Mai, **Xuong Tuyet Nguyen** "Formative Research to Develop a workplace physical activity program in VietNam: Protocol for a mixed

method study". Sys Rev Pharm 2020: 11(4) 247-251. *A multifaceted review jounal in the field of pharmacy.* E- ISSN 0976 – 2779 P – ISSN 0975 – 8453.

(13) Le Minh Ky, Nguyen Thi To Uyen, Nguyen Thi Khanh Van, **Xuong Tuyet Nguyen**, Cao Minh Thanh, Nguyen Trong Tuan, Vu Thi Minh Thuc. "Study of the Features of Systemic Diziness in Patients with Chronic and Reccurent Migraine". *Genetics and Molecular Research*, ©FUNPEC-RP www.funpecrp.com.br.

(14) Le Minh Ky, Nguyen Thi To Uyen, Nguyen Dinh Phuc, **Xuong Tuyet Nguyen**, Tang Xuan Hai, Luu Anh Tuan, Vu Thi Minh Thuc. "Pathogenesis of Eosinophilic vs. Non-Eosinophilic CRSwNP in Vietnamese". *Genetics and Molecular Research*, ©FUNPEC-RP www.funpecrp.com.br.

15. Khen thưởng: Bằng khen của Bộ Y tế, của Trung ương hội Chữ thập đỏ Việt Nam, của Công đoàn ngành Y tế Việt Nam.

16. Kỷ luật: Không

B. TỰ KHAI THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH PHÓ GIÁO SƯ

1. Tự đánh giá về tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo

Được tham gia làm thỉnh giảng tại trường Đại học Y dược Hải Phòng, Đại học Y Vinh, tỉnh Nghệ An, Đại học Y Dược Thái Bình, Khoa Y Đại học Quốc gia Hà Nội, Đại học Y Hà Nội từ nămhọc 2014 - 2015 liên tục cho đến nay đã có 6 năm thâm niên, tôi luôn xác định và thực hiện tốt phẩm chất đạo đức, tác phong của một nhà giáo: mẫu mực, trung thực, luôn biết lắng nghe, chia sẻ với học viên và các bạn đồng nghiệp. Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của nhà trường, sắp xếp thời gian làm việc ở Bệnh viện và thời gian giảng dạy phù hợp, chuẩn bị bài giảng chu đáo, đáp ứng yêu cầu mục tiêu, đồng thời lồng ghép với kinh nghiệm trong thực tế làm bài giảng phong phú, giúp học viên dễ tiếp thu. Hoàn thành đầy đủ kế hoạch bài giảng cũng như tiến độ hướng dẫn Học viên làm luận văn đúng theo yêu cầu của nhà trường. Ngoài công tác quản lý, làm chuyên môn tại Bệnh viện và tham gia giảng dạy, tôi còn luôn quan tâm đến công tác nghiên cứu khoa học, với mục đích áp dụng những tiến bộ khoa học kỹ thuật vào thực tiễn, đem lại hiệu quả thiết thực nhất. Tôi là tác giả của gần 70 bài báo khoa học đã được công bố, trong đó có 14 bài báo được đăng trên Tạp chí nước ngoài.

Đối chiếu với các tiêu chuẩn và nhiệm vụ, tôi nhận thấy, bản thân mình có đủ tiêu chuẩn và hoàn thành nhiệm vụ của một nhà giáo. Mong muốn của tôi là được tiếp tục cống hiến để góp phần nhỏ bé của mình vào sự nghiệp giáo dục, đào tạo.

2. Thời gian tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ đại học trở lên: Tổng số 6 năm

TT	Năm học	Số lượng NCS đã hướng dẫn		Số lượng ThS/CK2/ BSNT đã hướng dẫn	Số đồ án, khóa luận tốt nghiệp ĐH đã HD	Số lượng giờ giảng dạy trực tiếp trên lớp		Tổng số giờ giảngtrực tiếp/giờ quy đổi/Số giờ định mức
		Chính	Phụ			ĐH	SĐH	
1	2014 - 2015					X		140
2	2015 - 2016					X		140

3	2016 - 2017					X		140
3 năm học cuối								
4	2017 - 2018			6		X	X	72 + 75 = 147
5	2018 - 2019		1	1		X	X	72 + 42 + 21 = 135
6	2019 - 2020		1	1		X	X	72+42+25+26 = 165

3. Ngoại ngữ:

3.1. Ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn: Tiếng Anh

a) Được đào tạo ở nước ngoài: ☐

- Học ĐH ☐; Tại nước: Từ năm ……đến năm ……

- Bảo vệ luận văn ThS ☐ hoặc luận án TS ☐ hoặc TSKH ☐; tại nước: …….năm……

b) Được đào tạo ngoại ngữ trong nước ☑: B2 châu Âu

- Trường ĐH cấp bằng tốt nghiệp ĐH ngoại ngữ: …….số bằng: …….; năm cấp:……

c) Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài: ☐

- Giảng dạy bằng ngoại ngữ:.

- Nơi giảng dạy (cơ sở đào tạo, nước):

d) Đối tượng khác ☐; Diễn giải: ……

3.2. Tiếng Anh (văn bằng, chứng chỉ): Chứng chỉ B2 châu Âu

4. Hướng dẫn thành công NCS, HVCH/CK2/BSNTđã được cấp bằng/có quyết định cấp bằng

TT	Họ tên NCS hoặc HVCH/CK2/BSNT	Đối tượng		Trách nhiệm HD		Thời gian hướng dẫn từ… đến …	Cơ sở đào tạo	Ngày, tháng, năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng
		NCS	HVCH/CK2/BSNT	Chính	Phụ			
1	Nguyễn Thị Cẩm Tú		X	X		2018 - 2019	ĐH Y tế công cộng	2019
2	Nguyễn Toàn Thắng		X	X		2018 - 2019	ĐH Y tế công cộng	2019
3	Đoàn Văn Hiệp		X	X		2018 - 2019	ĐH Y tế công cộng	2019
4	Lê Văn Phương		X	X		2018 - 2019	ĐH Y tế công cộng	2019
5	Lâm Hùng Phong		X	X		2018 - 2019	ĐH Y tế công cộng	2019

6	Trần Mỹ Hương				X	2018 -2019	ĐH Y Hà Nội	2019
7	Trần Mỹ Hương	X			X	2019 - 2021	ĐH Y Hà Nội	
8	Nguyễn Đức Anh		X		X	2019 - 2020	ĐH Y Hà Nội	

5. Biên soạn sách phục vụ đào tạo ĐH và SĐH

TT	Tên sách	Loại sách (CK, GT, TK, HD)	NXB và năm xuất bản	Số tác giả	Chủ biên	Phần biên soạn (từ trang … đến trang)	Xác nhận của cơ sở GDĐH (số văn bản xác nhận sử dụng sách)
1	Ốc tai điện tử ở trẻ em	CK	NXB Y học 2019	1	X		Đại học Y Dược Hải Phòng
2	Thính học Nhi khoa	CK	NXB Y học 2019	1	X		Đại học Y dược Hải Phòng
3	Bệnh lý Tai Mũi Họng thường gặp	GT	NXB Y học 2017	4			Đại học Trà Vinh

6. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)	CN/PCN /TK	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm)/Xếp loại KQ
A. TRƯỚC BẢO VỆ TIẾN SĨ					
1					
B. SAU BẢO VỆ TIẾN SĨ					
1	Đánh giá hiệu quả phẫu thật nạo VA bằng dao Plasma tại Bệnh viện Nhi Trung ương"	CN	Cơ sở	Tháng 6/2019	- Ngày 20/6/2019 - Xếp loại kết quả: Xuất sắc
2	Đánh giá hiệu quả cắt Amidal bằng Coblator tại Bệnh viện Nhi Trung ương.	CN	Cơ sở	Tháng 6/2019	- Ngày 20/6/2019 - Xếp loại kết quả: Xuất sắc

7. Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ đã công bố (bài báo khoa học, sáng chế/giải pháp hữu ích, giải thưởng quốc gia/quốc tế)

7.1. Bài báo khoa học đã công bố

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Năm công bố
A. TRƯỚC BẢO VỆ TIẾN SỸ								
1	Nghiên cứu sự biến đổi tính thanh của giọng trên bệnh nhân u lành tính dây thanh	1	X	Y học thực hành			569+570, 4, 62	2007
2	Nghiên cứu tình hình u lành tính dây thanh và đánh giá kết quả vi phẫu qua phân tích ngữ âm	1	X	Y học thực hành			571+572, 5,61	2007
3	Tình hình giọng bệnh nghề nghiệp ở giáo viên tiểu học huyện Đông Anh - Hà NộI và biện pháp điều trị	3		Y học thực hành			728,7, 151	2010
4	Nhận xét bước đầu thính lực 5 trường hợp cấy điện cực ốc tai tại Bệnh viện Nhi trung ương	2	X	Y học thực hành			822,5,25	2012
5	Xác định tỷ lệ và một số yếu tố nguy cơ đến nghe kém ở trẻ em từ 2 đến 5 tuổi ở Hải Dương và Thanh Hóa 2011-2012	1	X	Y học Việt Nam			397, đặc biệt, 351	2012
6	Kết quả khám sàng lọc khiếm thính trẻ em tại Hải Dương từ 2011 – 2012	3		Y học Thực hành			826, 6, 134	2012

7	Các yếu tố nguy cơ của nghe kém ở trẻ em từ 2 đến 5 tuổi tại các trường mẫu giáo công lập ở Hà Nội	4	X	Y học dự phòng			24, 2, 76	2014
8	Tỷ lệ nghe kém và một số đặc điểm nghe kém ở trẻ em từ 2 đến 5 tuổi tại các trường mẫu giáo công lập nội thành Hà Nội	3	X	Y học Việt Nam			416, 1, 15	2014
9	Tổng quan về nghe kém ở trẻ em	3	X	Y học Thực hành			902, 1, 29	2014
B. SAU BẢO VỆ TIẾN SĨ								
10	Thực trạng phát hiện và can thiệp sớm của trẻ em khiếm thính Hải Phòng	4		Y học Dự phòng			183, 10, 204	2016
11	Mutatinal analysis of GJB2, GJB6 and 12S rRNA genes in Vietnamese non-syndromic deaf children	11			Asian Journal of Biomedical and Pharmaceutical Sciences		doi: 10.15272/ajbps. v5i46.714	2015
12	Thực trạng khả năng cung ứng của các cơ sở cung cấp dịch vụ can thiệp sớm cho trẻ khiếm thính tại Hải Phòng	4		Y học Cộng đồng			37,157	2017
13	Một số biến chứng thường gặp trong phẫu thuật cấy Ốc tai điện tử tại Bệnh viện Nhi Trung ương	1	X	Y học Việt Nam			472,2,22	2018
14	Những đặc điểm âm học, cấu âm và phụ âm đầu tiếng	2		Y học Thực			1069, 4, 59	2018

	Việt và sự ảnh hưởng của nó đến khả năng Nghe – Nói phụ âm đầu của trẻ khiếm thính			hành				
15	Các giải pháp can thiệp lỗi phát âm, âm đầu tiếng Việt trên bệnh Nhi nghe kém được đeo thiết bị trợ thính tại Bệnh viện Nhi Trung ương	2		Y học Thực hành			1069, 4, 69	2018
16	Hội chứng tiêu cơ Vân cấp sau cắt Amidal tại Bệnh viện Nhi Trung ương	1	X	Y học Thực hành			1071, 5, 58	2018
17	Nhân 2 trường hợp cấy điện cực Ốc tai cho bệnh nhân ốc tai dị dạng tại Bệnh viện Nhi Trung ương	2	X	Y học Thực hành			1071, 5, 108	2018
18	Validity of the International Physical activity questionnaire-short form for application in Asian countries: A study in Vietnam	7			Evaluation & the Health Profession		Vol.43(2) 105-109	2018
19	Dị vật Thanh quản lâu ngày: Trường hợp bệnh với những triệu chứng dễ gây chẩn đoán nhầm lẫn	2	X	Y học Thực hành			1085, 11, 30	2018
20	Báo cáo trường hợp lâm sàng áp xe thành sau họng biến chứng áp xe trung thất	2	X	Y học Thực hành			1085, 11,56	2018
21	Phân loại và các phương pháp can	2		Y học Thực			1089, 1, 25	2019

	thiệp các lỗi phát âm phụ âm đầu tiếng Việt của trẻ em dưới 16 tuổi tại Bệnh viện Nhi Trung ương			hành				
22	Bước đầu đánh giá hiệu quả phương pháp AVT trong trị liệu ngôn ngữ cho bệnh nhi sau cấy điện cực ốc tai	2		Y học Thực hành			1090, 2, 18	2019
23	Trường hợp trị liệu ngôn ngữ cho một bệnh nhi cấy ốc tai điện tử từ 29 tháng tuổi có khó khăn trong phát âm, ngôn ngữ và giao tiếp	2		Y học Thực hành			1092, 3, 100	2019
24	Một số nguyên nhân ảnh hưởng đến kết quả cấy ốc tai điện tử tại Bệnh viện Nhi Trung ương	1	X	Y học Thực hành			1096, 5, 50	2019
25	Khảo sát và phân loại lỗi phát âm cuối tiếng Việt của trẻ tại Bệnh viện Nhi Trung ương	2	X	Y học Thực hành			10096, 5, 65	2019
26	Phẫu thuật nội soi hốc mũi xoang điều trị Sarcoma cơ vân nền sọ giữa: Báo cáo ca bệnh	2	X	Y học Thực hành			1098, 5, 46	2019
27	Đánh giá hiệu quả phương pháp AVT trong trị liệu lời nói cho bệnh nhi sau cấy điện cực ốc tai	2	X	Y học Thực hành			1098, 5, 83	2019
28	Kết quả khám sàng lọc khiếm thính 3006 trẻ em lứa tuổi mẫu giáo tại	2	X	Y học Thực hành			1098, 5, 113	2019

	Hà Nội							
29	Nghiên cứu mô hình bệnh tai mũi họng tại Bệnh viện Sơn Tây, Hà Nội năm 2017	2	X	Y học Việt Nam			478,1,168	2019
30	Nghiên cứu khiếm thính trẻ sơ sinh năm 2016 -2018 tại Bệnh viện Sản Nhi tỉnh Nghệ An	2	X	Y học Việt Nam			478, 1, 175	2019
31	Đặc điểm dịch tễ học bệnh tay chân miệng tại thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang năm 2017	2	X	Y học Việt Nam			478, 2, 66	2019
32	Thực hành chăm sóc trẻ dưới 5 tuổi bị bệnh tay chân miệng của bà mẹ tại huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp năm 2017	2	X	Y học Việt Nam			478, 2, 111	2019
33	Sâu răng và một số yếu tố liên quan ở học sinh lớp 5 tại thị trấn Cái Bè, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang 2018	2	X	Y học Việt Nam			478, 2, 163	2019
34	Nghiên cứu mô hình bệnh tai mũi họng tại Bệnh viện Đa khoa Trà Vinh năm 2018	2	X	Y học Việt Nam			479, 1, 57	2019
35	Khảo sát sự hài lòng của người bệnh và người nhà người bệnh đối với điều dưỡng và bác sỹ tại khoa khám bệnh Bệnh viện Đa khoa Trà Vinh năm 2017	2	X	Y học Việt Nam			479, 1, 111	2019
36	Thực trạng sử dụng kháng sinh của	2	X	Y học Việt Nam			479,1,143	2019

	khoa ngoại tại Bệnh viện Đa khoa Trà Vinh năm 2017							
37	Thực hành xử trí trước và sau khi trẻ mắc bệnh tay chân miệng của người chăm sóc chính tại Thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang năm 2017	2	X	Y học Việt Nam			479, 1, 168	2019
38	Đánh giá kết quả điều trị cắt Amidal bằng Coplator tại Bệnh viện Nhi Trung ương năm 2019	2	X	Y học Thực hành			1100, 6, 8	2019
39	Đánh giá kết quả điều trị nạo VA bằng plasma tại Bệnh viện Nhi Trung ương năm 2019	2	X	Y học Thực hành			1100, 6, 30	2019
40	Epigmathus teratoma bẩm sinh: Báo cáo 2 trường hợp	2	X	Y học Thực hành			1101, 6, 15	2019
41	U nang dạng túi bẩm sinh ở thanh quản: Báo cáo 2 ca bệnh	2	X	Y học Thực hành			110, 6, 31	2019
42	Khảo sát kiến thức, thực hành về an toàn thực phẩm của người chế biến chính ở các cửa hàng ăn tại 04 xã, huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp năm 2018	2	X	Y học Việt Nam			479, 2, 52	2019
43	Đánh giá kiến thức của người chế biến chính tại các cửa hàng ăn uống trên địa bàn huyện	2	X	Y học Việt Nam			479, 2, 94	2019

	Châu Thành, tỉnh An Giang năm 2018							
44	Thực trạng điều kiện đảm bảo an toàn thực phẩm của các cửa hàng ăn tại 04 xã huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp năm 2018	2	X	Y học Việt Nam			479,2,131	2019
45	Rick factors of hearing loss among preschool chidren in Hanoi, Vietnam	2	X		International Journal of Community Medicine and Public health		dx.doi.org/10.18203/2394-6040.ijcmph20192597	2019
46	Prevalence of hearing loss among preschool chidren in Hanoi, Vietnam	2	X		International Journal of Contemporary Pediatrics		dx.doi.org/10.18203/2394-3291.ijcp20192623	2019
47	Some associated factors in hearing loss among children aged 2-5 in kindergartens in Haiduong province, Vietnam	5	X		A multifaceted review journal in the field of pharmacy		dx.doi.org/10.5530/srp.2019.2.4 Sys.Rev.Pharm 2020; 10(2): 22- 26	2019
48	Effectiveness of initial solutions incorporated into early intervention delivery systems for children with hearing loss: Evidence from Haiphong, Vietnam	5	X		Asia Journal of Pharmaceutical and clinical research		Vol 12, Issue10 dx.doi.org/10.22159/ajpcr.2019.v12i10.35482	2019
49	Provision capacity of service delivery facilities for children with hearing loss in Haiphong, Vietnam	5	X		Asia Journal of Pharmaceutical and clinical research		Vol 12, Issue10 dx.doi.org/10.22159/ajpcr.2019.v12i10.35483	2019
50	Situation of hearing loss among children aged 2-5 in kindergartens in Haiduong	5	X		A multifaceted review journal in the field of pharmacy		dx.doi.org/10.5530/srp.2019.1.33 Sys.Rev.Pharm 2020; 10(1): 179- 183	2019

	province, Vietnam							
51	Accuracy of Otoacustic Emission in comparison to diagnostic test of auditory brainstem response in hearing screening for children in Vietnam	1	X		A multifaceted review journal in the field of pharmacy		dx.doi.org/10.31838 /srp.2020.5.65 Sys.Rev.Pharm 2020; 11(5): 469- 471	2019
52	The role of cytokines in the prognosis of children with dengue shock syndrome in Vietnam	7			International Journal of Research in Pharmaceutical Sciences (IJRPS)		Pharmascope.org/ index.php/ijrps/ article/view/1514/1810 Sys.Rev.Pharm 2020; 10(3): 2519- 2524	
53	The role of different serotypes and dengue virus concentration in the prognosis of dengue shock syndrome in children	6			International Journal of Research in Pharmaceutical Sciences (IJRPS)		Pharmascope.org/ index.php/ijrps/ article/view/1509/1824	2019
54	The correlation of clinical and subclinical presentation with dengue serotypes and plasma viral load: the case of children with dengue hemorrhagic fever in Vietnam	6			International Journal of Research in Pharmaceutical Sciences (IJRPS)		Pharmascope.org/ index.php/ijrps/ article/view/1513/1840	2019
55	Study of features of systemic dizziness in patients with chronic and reccurent migraine.	7			Genetics and Molecular Research		©FUNPEC-RP www.funpecrp.com.br.	
56	Pathogenesis of eosinophilic vs non- eosinophilic	7			Genetics and Molecular Research		©FUNPEC-RP www.funpecrp.com.br.	

	CRSwNP in Vietnamese							
57	Nghiên cứu giá trị của CT trong đánh giá trẻ điếc bẩm sinh cấy điện cực ốc tai	3		Y học Thực hành			1115, 11, 81	2019
58	Đánh giá hiệu quả của phương pháp laser thulium trong phẫu thuật thanh quản ở trẻ em tại Bệnh viện Nhi Trung ương	4		Y học Thực hành			1118, 11, 197	2019
59	Các yếu tố ảnh hưởng tới mức độ nặng của hội chứng ngừng thở khi ngủ do tắc nghẽn trên trẻ có amydan và/hoặc quá phát	4		Y học Việt Nam			485, 1+2, 193	2019
60	Formative research to develop a workplace physical activity program in Vietnam: Protcol for a mixed method study	8			A multifaceted review journal in the field of pharmacy		dx.doi.org/10.31838 /srp.2020.4.36 Sys.Rev.Pharm 2020; 11(4): 247- 251	2020
61	Nghiên cứu mô hình bệnh nhi tại Bệnh viện Sản Nhi Trà Vinh trong 2 năm 2016-2017	2	X	Y học Việt Nam			488, 2, 160	2020
62	Đánh giá sức nghe được đo ở buồng cách âm của nhóm nghiên cứu chế tạo	4		Y học Việt Nam			488, 2, 185	2020
63	Nghiên cứu mô hình bệnh tai mũi họng tại Bệnh viện Đa khoa Trà Vinh năm 2017	2	X	Y học Việt Nam			488, 2, 204	2020
64	Đánh giá các yếu tố liên quan đến	2	X	Y học Việt Nam			489, 1, 76	2020

	kiến thức về hen phế quản của người trực tiếp chăm sóc trẻ dưới 5 tuổi							
65	Khảo sát kiến thức về hen phế quản của người trực tiếp chăm sóc trẻ dưới tuổi	2	X	Y học Việt Nam			489, 2, 144	2020
66	Khảo sát tỷ lệ giảm thính lực do tiếng ồn đối với công nhân giàn khoan Vietsovpetro từ 2016-2018	2	X	Y học Việt Nam			490, 2, 90	2020
67	Các dạng mũi và tỷ lệ các dạng mũi của người Khmer trong độ tuổi từ 16-24 tại một số trường dân tộc nội trú thuộc tỉnh Trà Vinh	2		Y học Việt Nam			490, 2, 180	2020

7.2. Bằng độc quyền sang chế: Không

7.3. Giải thưởng quốc tế: Không

8. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo hoặc chương trình nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ của cơ sở giáo dục đại học. Không

9. Các tiêu chuẩn còn thiếu so với quy định cần được thay thế bằng bài báo khoa học quốc tế uy tín

a) Thời gian được bổ nhiệm PGS

Được bổ nhiệm PGS chưa đủ 3 năm, còn thiếu (số lượng năm, tháng): …….

b) Hoạt động đào tạo

- Thâm niên đào tạo chưa đủ 6 năm, còn thiếu (số lượng năm, tháng): ……

- Giờ giảng dạy

+ Giờ giảng dạy trực tiếp trên lớp không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu):

+ Giờ chuẩn giảng dạy không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu): …

- Hướng dẫn chính NCS/HVCH,CK2/BSNT:

+ Đã hướng dẫn chính 01 NCS đã có Quyết định cấp bằng TS (ƯV chức danh GS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 NCS được cấp bằng TS bị thiếu: ……..

+ Đã hướng dẫn chính 01 HVCH/CK2/BSNT đã có Quyết định cấp bằng ThS/CK2/BSNT (ƯV chức danh PGS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 HVCH/CK2/BSNT được cấp bằng ThS/CK2/BSNT bị thiếu: Không

c) Nghiên cứu khoa học

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ (ƯV chức danh GS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ bị thiếu: .....

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở (ƯV chức danh PGS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở bị thiếu: Không

- Không đủ số CTKH là tác giả chính:

+ Đối với ứng viên chức danh GS, đã công bố được: 03 CTKH; 04 CTKH

Đề xuất sách CK/chương sách XB quốc tế thay thế cho việc ƯV không đủ 05 CTKH là tác giả chính theo quy định: Không

+ Đối với ứng viên chức danh PGS, đã công bố được: 02 CTKH

Đề xuất sách CK/chương sách XB quốc tế thay thế cho việc ƯV không đủ 03 CTKH là tác giả chính theo quy định: Không

(*) Các công trình khoa học thay thế không được tính vào tổng điểm.

C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH PHÓ GIÁO SƯ

Tôi xin cam đoan những lời khai trên là đúng. Nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Hà Nội ngày 28 tháng 6 năm 2020

Người đăng ký

TS.BS. Nguyễn Tuyết Xương

D. XÁC NHẬN CỦA NGƯỜI ĐỨNG ĐẦU NƠI ĐANG LÀM VIỆC

Về những nội dung thông tin cá nhân ứng viên đã kê khai

Về giai đoạn ứng viên công tác tại đơn vị và mức độ hoàn thành nhiệm vụ trong giai đoạn này.

Những nội dung khác đã kê khai, ứng viên tự chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Hà Nội ngày 28 tháng 6 năm 2020

Thủ trưởng cơ quan